TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST *Ngày: 19/6/2018* *V/v: yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành
- Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quý Hùng
- Bà Nguyễn Thị Hương Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2018 về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGD ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông C - sinh năm: 1979, địa chỉ: thôn C, xã C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà N - sinh năm: 1982, địa chỉ: thôn P, xã C, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông C trình bày:

- Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Ông C và bà N tự nguyện chung sống vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Cam Lâm. Tuy nhiên Giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị thất lạc. Trong quá trình chung sống ông C và bà N xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thông cảm chia sẻ trách nhiệm gia đình với nhau, vợ chồng không còn yêu thương và tin tưởng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 1/2017, ông C và bà N đã sống ly thân. Vì vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông C và bà N là vợ chồng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà N có hai con chung là các cháu T - sinh ngày 25/10/2001 và C - sinh ngày 02/11/2007. Ông C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N trình bày:

- Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Bà N thống nhất với lời trình bày của ông C về hoàn cảnh, thời gian chung sống và việc thất lạc bản chính Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Bà N và ông C không còn tình cảm yêu thương nhau, không còn muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, bà N đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông C.

- Về con chung: Bà N và ông C có hai con chung là các cháu T - sinh ngày 25/10/2001 và C - sinh ngày 02/11/2007. Bà N đồng ý giao các con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông C và bà N là vợ chồng; công nhận thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông C và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông C và bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ hôn nhân và gia đình của ông C và bà N được xác lập trước ngày 01/01/2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Theo biên bản xác minh ngày 05/3/2018, thì Sổ bộ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Cam Lâm không ghi nhận việc đăng ký kết hôn giữa ông C và bà N. Như vậy, ông C và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận ông C và bà N là vợ chồng.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà N có 02 con chung là các cháu T - sinh ngày 25/10/2001 và C - sinh ngày 02/11/2007. Tại phiên tòa, ông C và bà N thỏa thuận giao cháu T và cháu C cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các cháu T và C đều có nguyện vọng được sống với ông C. Như vậy, việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông C và bà N phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: ông C và bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, Điều 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông C và bà N là vợ chồng.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà N giao các cháu T - sinh ngày 25/10/2001 và C - sinh ngày 02/11/2007 cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Ông C và bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0009852 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, ông C đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành